

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2020/HS-PT

Ngày 15 – 01 – 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn; Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 419/2019/HSPT ngày 16/12/2019 đối với bị cáo Nguyễn Anh Đ và đồng phạm, về tội “*Hủy hoại rừng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1987, tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Số 253/22 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Nghề nghiệp: Cộng tác viên báo chí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Huy L và bà Trịnh Thị T; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng T và có 01 người con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đặng Văn T (tên gọi khác: Cọt), sinh năm 1984, tại tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Thôn 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ

là Phan Thị T và có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999. Ngày 21/10/2016 đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/6/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Văn D, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn 14, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S và bà Giang Thị B; Bị cáo có vợ là Lê Thị T và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phan Văn D, sinh năm 1985, tại tỉnh Bắc Cạn;

Nơi cư trú: Thôn 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh M và bà Vương Thị D; Bị cáo có vợ là Nông Thị Kim T và có 01 người con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2018 đến ngày 25/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Thôn 14, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị T; Bị cáo có vợ là Phan Bảo G và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, vắng mặt;

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Bá B, Phó phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khối 6b, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3. Bà Nông Thị Kim T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 05, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4. Ông Dương Văn N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

5. Anh Ngụy Công B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố thống nhất, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

6. Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

7. Anh Lê Đình T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 09, thị trấn Ea SúpE, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Ngoài ra, trong vụ án còn bị cáo Ma Doãn T nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- **Người kháng cáo:** Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C.

Ngoài ra còn có bị cáo Ma Doãn T nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi bàn bạc thống nhất giữa Nguyễn Anh Đ và Đặng Văn T về việc, vào tiểu khu 238, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để cắt cây rừng lấy đất làm nương rẫy. Ngày 09/5/2018, Đặng Văn T thuê Lê Văn D vào rừng cắt cây gỗ trong rừng để lấy đất làm rẫy, thì được Lê Văn D đồng ý và gọi thêm Phan Văn D, Nguyễn Văn C và Ma Doãn T tham gia, tiền làm thuê được T trả cho Lê Văn D là 500.000 đồng/một ngày công vì Dương có cửa xăng, còn lại Phan Văn D, Nguyễn Văn C và Ma Doãn T được trả 300.000 đồng/ngày vì không có cửa xăng.

Khoảng 19 giờ ngày 09/5/2018, Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C và Ma Doãn T ngồi uống rượu tại nhà ông Nguyễn Huy L (là bố của Nguyễn Anh Đ) trú tại thôn 8, thị trấn E, huyện E, trong lúc uống rượu cả nhóm thống nhất là ngày 10/5/2018 đi vào rừng để cửa cắt cây làm nương rẫy.

Đến khoảng 07 giờ ngày 10/5/2018 Nguyễn Anh Đ cùng với Đặng Văn T, Nguyễn Văn C, Ma Doãn T, Lê Văn D và Phan Văn D ngồi tại quán cà phê của gia đình Đặng Văn T (tại số 10b, đường H, thị trấn E, huyện E). Tại quán cà phê, Lê Văn D nói cho ứng tiền công đi làm thì Đ nói với T đưa tiền cho nhóm Dương để đi làm, T vào phòng trong quán lấy tiền đi ra đưa cho Lê Văn D 9.000.000 đồng, Lê Văn D đưa cho Nguyễn Văn C, Ma Doãn T với Phan Văn D mỗi người 3.500.000 đồng (trong đó có 9.000.000 đồng là tiền của T, còn 1.500.000 đồng là tiền của Lê Văn D).

Sau khi uống cà phê xong, cả nhóm đi về chuẩn bị đồ dùng để đi vào rừng, Nguyễn Anh Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 49C-158.92 chở Đặng Văn T đến nhà Lê Văn D chở 03 chiếc cưa xăng nhãn hiệu Stihl MS381 và một số đồ dùng khác đi vào tiểu khu 238, xã B, huyện E để cưa cắt cây rừng, lúc đó Ma Doãn T đi cùng xe ô tô của Nguyễn Anh Đ. Sau khi đi khỏi nhà Lê Văn D, Đ điều khiển xe ô tô đến chợ Trung tâm huyện E, Đ đưa cho T 1.000.000 đồng để T vào chợ mua một số thực phẩm và đồ dùng cần thiết..., để phục vụ cho việc vào rừng cắt hạ cây rừng.

Nguyễn Anh Đ tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đặng Văn T, Ma Doãn T đi về nhà Đặng Văn T lấy thêm một chiếc cưa xăng, rồi Đ, T, Tuấn đi mua thêm xăng, gạo... Đ điều khiển xe ô tô chở T với Tuấn đi vào tiểu khu 238, xã B, huyện E còn Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C đi xe mô tô vào sau.

Khoảng 09 giờ cùng ngày vào đến tiểu khu 238, xã B, T với Ma Doãn T đem đồ trên xe ô tô xuống rồi tìm địa điểm làm lán để ở, các đối tượng đã đem gà luộc ra thắp hương, đốt vàng mã cúng. Phan Văn D đi xe mô tô vào, do không biết đường rừng nên Đ điều khiển xe ô tô chở T ra đường đón Phan Văn D vào rừng, sau đó Đ điều khiển xe ô tô chở T đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày Chung và Lê Văn D đi vào rừng rồi cả nhóm giăng bẫy làm lán để ở, Lê Văn D thấy không có nước sử dụng nên gọi điện thoại di động nói với T thì T gọi cho Đ rồi Đ điều khiển xe ô tô chở T đi mua nước uống và đem nước sinh hoạt vào cho cả nhóm sử dụng. rồi Đ điều khiển xe ô tô đi về.

Sáng ngày 11/5/2018, Nguyễn Văn C và Lê Văn D, Phan Văn D dùng 03 cưa xăng của Lê Văn D tiến hành cưa cây gỗ trong rừng, T sử dụng máy của của T cắt cây gỗ được 30 phút thì máy cưa hư hỏng không cắt được, Ma Doãn T nấu cơm nước cho cả nhóm sử dụng. Chiều cùng ngày T điều khiển xe mô tô của Phan Văn D chở Phan Văn D đem máy cưa của T về thị trấn E, huyện E. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12/5/2018 Phan Văn D điều khiển xe mô tô đến tại quán cà phê của T để trả xe cho anh Ngụy Công Bằng, (trú tại Tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn E, huyện E) vì Phan Văn D mượn xe của anh B, sau đó Phan Văn D thuê xe ôm chở vào rừng, rồi với Lê Văn D và Nguyễn Văn C cưa

cắt cây rừng, Ma Doãn T thì nấu cơm nước cho cả nhóm ăn, lúc Nguyễn Văn C mệt thì Ma Doãn T dùng máy cưa cắt cây gỗ thay Nguyễn Văn C.

Khoảng 09 giờ ngày 12/5/2018 Nguyễn Anh Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 49C- 158.92 chở T với vợ Đ là chị Nguyễn Thị Hồng T đi vào rừng, có đem theo thức ăn cho Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C và Ma Doãn T ăn uống để cưa cắt cây rừng. Khoảng 10 giờ cùng ngày Đ điều khiển xe ô tô chở chị T đi về nhà ở thành phố B, Tuân đi cùng xe với Đ để đi tỉnh Đắk Nông tham dự đám cưới người quen. Còn Lê Văn D, Phan Văn D và Chung tiếp tục cưa cắt cây rừng, lúc Lê Văn D mệt thì T thay Lê Văn D cắt cây rừng được 30 phút rồi đưa máy cưa lại cho Lê Văn D.

Sáng ngày 13/5/2018, Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C tiếp tục cắt cây rừng, T vẫn đem theo xăng để sử dụng cho máy cưa và đem theo nước cho cả nhóm uống, lúc Lê Văn D mệt thì T thay Lê Văn D cắt cây rừng được 30 phút rồi đưa lại máy cưa cho Lê Văn D. Đến khoảng 14 giờ ngày 13/5/2018 T đi bộ ra đường đi nhờ xe công nông đi về nhà, Ma Doãn T dự đám cưới xong đi xe ô tô đến ngã ba C, xã M, huyện E đi nhờ xe ô tô tải rồi đi bộ vào rừng, lúc 16 giờ ngày 13/5/2018 khi Tuân vừa vào đến lán đang nấu cơm, còn Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C đang dùng máy cưa cắt hạ cây rừng thì bị đồn biên phòng cửa khẩu Đ, tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định ngày 03/6/2018 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk xác định: Khu vực rừng do các bị cáo hủy hoại là rừng sản xuất, với diện tích rừng bị hủy hoại là 9,14ha.

Tại bản kết luận định giá số: 09 ngày 27/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E kết luận: Khu 1 có diện tích 4,21 ha rừng có giá trị 26.084.624 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường 78.241.871 đồng. Khu 2 có diện tích 4,93ha, có giá trị là 30.540.968 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường 91.622.904 đồng. Tổng giá trị 226.485.743 đồng.

Tại công văn số 06 ngày 09/7/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện E căn cứ kết luận giám định ngày 05/4/2019 của Chi cục kiểm lâm trong diện tích 4,21 ha rừng bị hủy hoại, có 0,28 ha là đất trống, như vậy diện tích rừng bị phá 3,93 ha. Do diện tích rừng bị phá có sự thay đổi, tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường là 97.384.000 đồng. Trong đó thiệt hại về lâm sản 24.346.000 đồng; thiệt hại về môi trường 73.038.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định ngày 21/5/2019 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk kết luận: 135 lóng gỗ tròn, có khối lượng 3,266m³; củi có khối lượng 8,750 ster.

Tại bản kết luận định giá số: 23 ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E kết luận: Khối lượng gỗ và củi trên diện tích rừng do

Lê Văn D cùng đồng bọn, khối lượng gỗ: 3.266 m³/135 lóng, có giá trị: 6.139.000 đồng. Khối lượng củi: 8,75 Ster, có giá trị 4.287.000 đồng.

Như vậy, tổng số thiệt hại là 219.548.000 đồng (lấy tròn số).

Tại bản kết luận giám định số: 43 ngày 18/12/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Ea Súp kết luận: 03 chiếc cửa xăng, trị giá 5.250.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HSST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh Đ** 06 năm 06 tháng tù, thời gian thi hành án được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2018.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 05 năm 06 tháng tù, thời gian thi hành án được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn D** 04 năm 06 tháng tù, thời gian thi hành án được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn D** 04 năm tù, thời gian thi hành án được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 25/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 04 năm tù, thời gian thi hành án được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Ma Doãn T; xử lý vật chứng, tiền án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 05/11/2019, 13/11/2019 các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Lê Văn D và Phan Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự và mức hình phạt đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng. Đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cơ bản là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần đất làm nương rẫy nên bị cáo Nguyễn Anh Đ đã khởi xướng và rủ bị cáo Đặng Văn T chặt phá rừng tại tiểu khu 238, xã B, huyện E để bị cáo Đ lấy đất làm rẫy, bị cáo T đã thuê các bị cáo Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C và Ma Doãn T dùng cưa lóc cùng chặt phá rừng tại tiểu khu 238, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với diện tích bị phá là 8,86 ha rừng mà không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền và làm thiệt hại về tài nguyên rừng 219.548.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Anh Đ; 05 năm 06 tháng đối với bị cáo Đặng Văn T; 04 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lê Văn D; 04 năm tù đối với bị cáo Phan Văn D và 04 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn C là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng mà còn xâm phạm đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Lê Văn D, Nguyễn Văn C không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đối với bị cáo Phan Văn D có cung cấp tài liệu gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ nhưng mức án 04 năm tù là đã có sự xem xét chiều cố. Bị cáo Đ trình bày, sau khi xét xử sơ thẩm xong gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ để khắc phục hậu quả tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện E, nhưng kết quả xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E thì gia đình bị cáo chưa nộp số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đ, Nguyễn Văn C, Lê Văn D và Phan Văn D.

Đối với bị cáo Đặng Văn T, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 25.546.000 đồng tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện E (có biên lai thu tiền) để khắc phục hậu quả là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và có cung cấp thêm tài liệu gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ nên cần chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo Đặng Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Văn C, Lê Văn D và Phan Văn D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về mức hình phạt.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về mức hình phạt.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Đặng Văn T, Lê Văn D, Phan Văn D, Nguyễn Văn C phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh Đ** 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2018.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2018 đến ngày 21/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn D** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn D** 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 25/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C 04** (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2018 đến ngày 17/01/2019.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Lê Văn D, Phan Văn D và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Đặng Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr